

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TIỀN GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Văn Tám.

+ Bà Lý Thị Bé Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Huỳnh Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/5/2003. Qua 15 năm chung sống chị và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không giải quyết được, đời sống chung

không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/3/2003 và Nguyễn Huỳnh Phương Th, sinh ngày 07/8/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, 02 con chung do chị T chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Trong quá trình tố tụng, chị Huỳnh Ngọc T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản khai của nguyên đơn ngày 08/6/2017; Giấy khai sinh của 02 con chung; Giấy chứng nhận kết hôn số 32, đăng ký ngày 15/5/2003 do UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp; Giấy chứng minh nhân dân của Huỳnh Ngọc T; Sổ hộ khẩu thường trú của Huỳnh Ngọc T; Văn bản xác nhận của chính quyền về mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung:

Anh Nguyễn Văn L đã được Toà án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, đăng ký ngày 15/5/2003. Chung sống với nhau, chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn hai bên đã được chính quyền địa phương xác nhận tại văn bản ngày 11/8/2017.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T là có

căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/3/2003 và Nguyễn Huỳnh Phương Th, sinh ngày 07/8/2012. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H và cháu Th sinh sống với chị Huỳnh Ngọc T và được chị chăm sóc chu đáo, đảm bảo tốt về mọi mặt, đồng thời cháu H có bản khai với nguyện vọng được sống với chị Huỳnh Ngọc T. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc T và giao 02 con chung cho chị Huỳnh Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại các điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, chị Huỳnh Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Chị Huỳnh Ngọc T không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, chị Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T. Chị Huỳnh Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/3/2003 và Nguyễn Huỳnh Phương Th, sinh ngày 07/8/2012 cho chị Huỳnh Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (biên lai thu số 0000864 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Như vậy, chị T nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy